

SÀI GÒN 50 NĂM TRƯỚC**Gia-Tân trạm cũ**Hồi-ký BÌNH-NGUYỄN LỘC

Ngồi giải-khát nơi quán „Ngân-Đình“, ta không sao không nhớ hai câu thơ:

*Gia-Tân nền trạm thuở xưa
Ngày nay có dựng cột cờ gần bên*

Đó là thơ trong quyển « *Kim Gia-Định Phong-Cảnh vịnh* », tập thơ này nối theo tập „*Cổ Gia-Định vịnh*“ cả hai đều do cụ Trương-Vĩnh-Ký xuất-bản năm 1882.

Thì ra, nơi đây ngày xưa *ngày xưa* là một cái trạm, trạm gì, thơ không nói rõ, tên là trạm Gia-Tân.

Không thể sợ lầm-lẫn, bởi có bằng-chứng là cây cột cờ dựng gần bên *ngày nay*, đó là cột cờ Thủ-ngũ.

Chỉ tiếc là chủ quán quá kém thẩm-mỹ, sau vài tháng bán buôn, đã lợp nóc cho cái quán lộ-thiên ấy, thành-thử khách chỉ còn biết ngậm-ngùi qua lời thơ, chớ không làm sao thấy được cột cờ.

Nhưng *ngày xưa* và „*ngày nay*“ trong thơ, khác ngày xưa và ngày nay của ta „*Kim Gia-Định vịnh*“, đối với ta, đích-thị là „*Cổ Sài-gòn vịnh*“ vậy.

Tác-giả vô-danh, của hai tập thơ nói trên, đã hoài-cổ, cái cổ đối với ông ấy thì ta, ta cũng hoài-cổ nhưng thật ra thì hoài cái kim của ông ấy vậy.

Quán Ngân-Đình ngày nay, hay Gia-Tân trạm ngày xưa gì nguyên giữa đó là một cái quán lộ-thiên, được lập ra lối năm 1900, do một tư-nhon người Pháp có sáng-kiến lợi-dụng cái doi đất tự-nhiên ấy.

Vì quán mở trên một mũi đất (Pointe) nên được đặt tên là „Quán mũi đất của bọn đấu lão“ (Bar de la Pointe des blageurs).

Ông chủ quán Tây ấy chỉ có việc thuê đất đã thành rồi sắm ghế sắm quày thế là xong. Nói như vậy hơi bất-công vì thật ra ông Tây ấy đã bỏ vốn ra khá nhiều để rào quán lại bằng một hàng rào sắt (không thôi khách đấu lão, họ say rượu ngã xuống dưới sông chết đuối mất) mà để cản đá ba bờ đất vì đất Sài-gòn nê-địa, không cản đá không xong.

Thuở ấy quán chỉ mở cửa vào mùa khô từ tháng mười một ta đến cuối tháng năm, vì là quán lộ-thiên và chỉ bán rượu thôi (không có thức ăn, không có chiêu-đãi-viên).

Những chậu cây cảnh ngày nay vẫn còn mang hai chữ hiệu P.B. trên thành chậu.

Thuở bé, tôi rất ưa ra đó để coi ông Tây bà Đầm uống rượu, không phải đó là một trò hay-ho gì đâu, mà chính vì nó không hay-ho gì cả, nên làm tôi rất ngạc-nhiên, tò-mò tìm hiểu.

Tôi tự hỏi họ nói với nhau cái gì mà mãi ba bốn tiếng đồng-hồ vẫn chưa chán, không nghe ai cười không thấy ai múa tay múa chơn vậy mà chiều nào họ cũng ra đó ngồi.

Khách người mình tuyệt-nhiên không có, có lẽ không phải vì ta không thích đấu láo nhưng vì hai xã-hội ta, và Tây là hai thế-giới riêng biệt, ít chịu hòa mình với nhau.

Đứng tại *Quán mủi đất của bọn đấu láo* nhìn tàu phươg xa cũng là một thú-vị mà tuổi bé mơ-mộng của tôi thường đưa-đẩy tôi đến đứng ngoài hàng rào, nghe các ông Tây xí-xô xí-xào, nghe còi tàu hụ, nhìn khói tàu viết chữ nhưt trên nền trời xanh để mơ viễn-xứ.

Tây đi, quán bị bỏ luôn; lẽ dĩ-nhiên là đất lại về đô-thành, và đô-thành lòi được hàng rào sắt và bệ đá cần.

Năm 1961 một tư-nhon Trung-Hoa lại thuê mủi đất ấy để lập ra quán Ngân-Đình còn tồn-tại đến năm nay 1967.

Ngay đêm khai-trương, tôi đã có mặt để sống lại kỷ-niệm thuở bé và bấy giờ tôi mới hiểu mấy ông Tây đã nói cái gì với nhau mà lâu thế. Họ chỉ đấu láo thôi, như bọn tôi năm ấy. Và tôi đã lòi trong đêm đấu ấy ba cái truyện ngắn, cả ba đều đăng ở Văn-Nghệ Tiền-Phong.

Trong sáu tháng đầu, Quán Ngân-Đình giữ truyền-thống cũ, nghĩa là lộ-thiên và chỉ bán rượu thôi. Họ còn thi-sĩ hơn quán cũ là trái sạn trắng trên sân đất, và thấp đèn mờ, giấu trong vỏ sò.

Nhưng rồi họ làm bậy là lợp nóc, tráng xi-măng cái sân đất, bỏ đèn mờ, bán thức ăn nên bọn đấu láo rút lui lần-lần.

Người mình có danh là tồn-cổ, nhưng thật ra, ta không tồn được bao nhiêu cái cổ. Ngay cả ở Hà-nội, cũng chẳng có cái quán nào sống dai ba mươi năm thì còn nói chi là Sài-gòn trong khi đó thì ở Vienne, kinh-đô nước Áo, có những cái quán tam-bách-đư-niên rồi, ở Ba-Lê cũng có những cái quán già trên một thế-kỷ.

Kể ra thì Sài-gòn còn được cái quán 70 tuổi đó cũng là một chuyện đáng nói tới.

T.B.: Đặc-biệt kỳ này, bài trích ở quyển „*Những bước lang-thang trên hè phố của gã Bình-nguyên Lộc, tập 2*“ (sắp xuất-bản)